

Số 709 /QĐ.ĐHYKV

Vinh, ngày 02 tháng 08 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình giáo dục Y học dự phòng
Bậc đào tạo: Đại học hệ Chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

Căn cứ Quyết định số 1077/QĐ-TTg ngày 13/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Thành lập Trường Đại học Y khoa Vinh”;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13/01/2012 của Bộ trưởng BGD&ĐT về việc ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học sức khỏe;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN- BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Thẩm định chương trình giáo dục ngành Y học dự phòng của Trường ĐHYK Vinh ngày 31 tháng 06 năm 2017;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

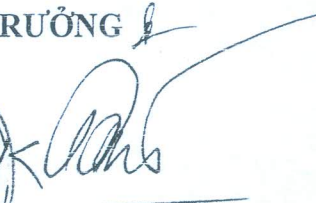
Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Chương trình giáo dục Y học dự phòng - Mã 7720110, bậc đại học hệ chính quy thuộc nhóm ngành Khoa học Sức khỏe.

Điều 2. Chương trình giáo dục Y học dự phòng - Mã 7720110, bậc đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được áp dụng tại Trường ĐHYK Vinh kể từ năm học 2017 - 2018.

Điều 3. Các ông bà Trưởng phòng đào tạo, Khoa, Bộ môn và các phòng ban, các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu VT-ĐT

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Cảnh Phú

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2017

Hệ đào tạo: Đại học Tín chỉ

Loại đào tạo: Chính quy 6 năm

Ngành: Y học dự phòng (Bác sỹ Y Chuyên ngành: Bác sỹ y học dự phòng)

STT	Mã môn học	Tên môn học	HKI	HKII	HKII I	HKI V	HKV	HKV I	HKV II	HKV III	HKI X	HK X	HK XI	HK XII
1	000775	Giáo dục quốc phòng	x											
2	001109	Các NLCB của CN Mác - Lênin I	x											
3	001183	Nhà nước - Pháp luật	x											
4	001185	Sinh học - Di truyền	x											
5	001189	Giải phẫu	x											
6	001190	Tin học cơ bản	x											
1	001113	Ngoại ngữ I		x										
2	001117	Giáo dục thể chất		x										
3	001119	Lý sinh		x										
4	001122	Hóa học		x										
5	001187	Xác suất thống kê		x										
6	001191	Điều dưỡng cơ bản		x										
7	001278	Vi sinh		x										
1	001110	Các NLCB của CN Mác - Lênin II			x									
2	001114	Ngoại ngữ II			x									
3	001127	Sinh lý			x									
4	001129	Mô phôi			x									
5	001130	Hóa sinh			x									
6	001137	Ký sinh trùng			x									
7	001279	Y xã hội học & Nhân học Y tế			x									
1	001120	Đường lối CM của ĐCS Việt nam				x								
2	001153	Giải phẫu bệnh				x								
3	001184	Tâm lý học				x								
4	001188	Thống kê Y học				x								
5	001280	SLB - Miễn dịch				x								
6	001281	Sức khỏe nghề nghiệp I				x								
7	001288	Dược lý và độc chất				x								
1	001115	Ngoại ngữ III					x							
2	001283	Dinh dưỡng - Tiết chế I					x							
3	001285	Kinh tế Y tế					x							
4	001286	Khoa học hành vi & GDSK I					x							
5	001289	Dịch tễ học I					x							
6	001291	Thực tập Y học dự phòng I					x							
1	001116	Ngoại ngữ CN						x						
2	001294	Nội cơ sở						x						
3	001295	Ngoại cơ sở						x						
4	001296	Khoa học môi trường & SKMT I						x						
5	001299	LS Nội cơ sở						x						
6	001300	LS Ngoại cơ sở						x						
1	001126	Tin học ứng dụng		1					x					

STT	Mã môn học	Tên môn học	HKI	HKII	HKII I	HKI V	HKV	HKV I	HKV II	HKV III	HKI X	HK X	HK XI	HK XII
2	001302	Nội bệnh lý							x					
3	001303	LS Nội bệnh lý							x					
4	001304	Ngoại bệnh lý							x					
5	001305	LS Ngoại bệnh lý							x					
1	001155	Truyền nhiễm								x				
2	001177	Tư tưởng Hồ Chí Minh								x				
3	001306	Nhi khoa								x				
4	001307	LS Nhi khoa								x				
5	001308	Phụ sản								x				
6	001309	LS Phụ sản								x				
7	001683	LS Truyền nhiễm								x				
1	001154	Chẩn đoán hình ảnh									x			
2	001156	Y học cổ truyền									x			
3	001157	Lao									x			
4	001180	Phục hồi chức năng									x			
5	001238	LS chẩn đoán hình ảnh									x			
6	001239	LS Y học cổ truyền									x			
7	001240	LS Lao									x			
8	001251	LS Phục hồi chức năng									x			
9	001284	Dinh dưỡng - Tiết chế II									x			
10	001311	Sức khỏe tâm thần									x			
11	001313	Sức khỏe lứa tuổi									x			
12	001314	LS Sức khỏe tâm thần									x			
1	001062	Lâm sàng tai mũi họng										x		
2	001160	Thần kinh										x		
3	001161	Dân số học										x		
4	001163	Răng hàm mặt										x		
5	001164	Da liễu										x		
6	001165	Tai mũi họng										x		
7	001166	Mắt										x		
8	001241	LS RHM										x		
9	001242	LS Da liễu										x		
10	001246	LS Mắt										x		
11	001249	LS Thần kinh										x		
12	001312	Sức khỏe sinh sản										x		
13	001315	LS Sức khỏe sinh sản										x		
1	001287	Khoa học hành vi & GDSK II											x	
2	001290	Dịch tễ học II											x	
3	001292	Thực tập Y học dự phòng II											x	
4	001297	Khoa học môi trường & SKMT II											x	
5	001316	Tổ chức & QLYT											x	
6	001317	Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng											x	
1	001258	Thực tế tốt nghiệp												x
2	001259	Thi Tốt nghiệp												x
3	001282	Sức khỏe nghề nghiệp II												x
4	001293	Thực tập Y học dự phòng III												x